



**SUTTANTAPIṬAKE KHUDDAKANIKĀYE**

**MILINDAPAÑHAPĀḶI**

**&**

**MILINDA VẤN ĐẠO**

### 3. ARAHATO SATISAMMOSAPAÑHO

1. “**Bhante nāgasena atthi arahato satisammoso**”ti?

“Vigatasatisammosā kho mahārāja arahanto, natthi arahantānaṃ satisammoso”ti.

“Āpajjeyya pana bhante arahā āpattin”ti?

“Āma mahārājā”ti.

“Kismiṃ vatthusmin”ti?

“Kuṭikāre mahārāja sañcaritte vikāle kālasaññāya pavārite appavārita-saññāya anarittite atirittasaññāyā”ti.

“Bhante nāgasena tumhe bhaṇatha: ‘Ye āpattiṃ āpajjanti, te dvīhi kāraṇehi āpajjanti, anādariyena vā ajānanta<sup>1</sup> vā’ti. Api nu kho bhante arahato anādariyaṃ hoti, yaṃ arahā āpattiṃ āpajjati”ti?

“Na hi mahārājā”ti.

“Yadi bhante nāgasena arahā āpattiṃ āpajjati, natthi ca arahato anādariyaṃ, tena hi atthi arahato satisammoso”ti?

“Natthi mahārāja arahato satisammoso, āpattiṃ ca arahā āpajjati”ti.

“Tena hi bhante kāraṇena maṃ saññāpehi. Kiṃ tattha kāraṇaṃ”ti?

2. “Dve ’me mahārāja kilesā: lokavajjaṃ paṇṇattivajjañcā’ti. Katamaṃ mahārāja lokavajjaṃ? Dasa akusalakammamāpathā. Idaṃ vuccati lokavajjaṃ. Katamaṃ paṇṇattivajjaṃ? Yaṃ loke atthi samaṇānaṃ ananucchavikaṃ ananulomikaṃ, gihinaṃ anavajjaṃ, tattha bhagavā sāvakaṇaṃ sikkhāpadaṃ paññāpeti yāvajjivaṃ anatikkamaṇiyaṃ. Vikālabhojanaṃ mahārāja lokassa anavajjaṃ, taṃ jinasāsane vajjaṃ. Bhūtagāmaṃ vikopanaṃ mahārāja lokassa anavajjaṃ, taṃ jinasāsane vajjaṃ. Udaḥassaḥammaṃ mahārāja lokassa anavajjaṃ, taṃ jinasāsane vajjaṃ. Iti evarūpāni evarūpāni mahārāja jinasāsane vajjāni. Idaṃ vuccati paṇṇattivajjaṃ.

Yaṃ kilesaṃ<sup>2</sup> lokavajjaṃ, abhabbo khīṇāsavo taṃ ajjhācaritum. Yaṃ kilesaṃ paṇṇattivajjaṃ, taṃ ajānanto āpajjeyya. Avisayo mahārāja ekaccassa arahato sabbam jānitum, na hi tassa balaṃ atthi sabbam jānitum.

<sup>1</sup> ajānana - Ma, PTS.

<sup>2</sup> yaṃ kilesaṃ - itisaddo Ma. potthake natthi.

### 3. CÂU HỎI VỀ SỰ THẤT NIỆM CỦA VỊ A-LA-HÁN:

#### 1. “Thưa ngài Nāgasena, có sự thất niệm đối với vị A-la-hán?”

“Tâu đại vương, các vị A-la-hán có các sự thất niệm đã được xa lìa. Đối với các vị A-la-hán không có sự thất niệm.”

“Thưa ngài, phải chăng vị A-la-hán có thể vi phạm tội?”

“Tâu đại vương, đúng vậy.”

“Về sự việc gì?”

“Tâu đại vương, về việc làm cốc liêu, về việc mai mối, vào lúc sái thời (lâm) tưởng là lúc đúng thời, về vị đã ngăn (lâm) tưởng là chưa ngăn (vật thực dâng thêm), không phải thức ăn thừa (lâm) tưởng là thức ăn thừa.”<sup>1</sup>

“Thưa ngài Nāgasena, ngài nói rằng: ‘Những vị nào phạm tội, những vị ấy phạm bởi hai lý do: Vì không tôn trọng hoặc là do không biết.’ Thưa ngài, có phải việc vị A-la-hán phạm tội là vì vị A-la-hán có sự không tôn trọng?”

“Tâu đại vương, không đúng.”

“Thưa ngài Nāgasena, nếu vị A-la-hán phạm tội, và không có sự không tôn trọng ở vị A-la-hán, như thế thì có sự thất niệm ở vị A-la-hán?”

“Tâu đại vương, không có sự thất niệm ở vị A-la-hán, và có việc vị A-la-hán phạm tội.”

“Thưa ngài, như thế thì xin ngài hãy làm cho trẫm hiểu lý do. Ở đây, cái gì là lý do?”

2. “Tâu đại vương, đây là hai loại ô nhiễm: ‘Tội lỗi đối với thế gian và tội lỗi do sự quy định.’ Tâu đại vương, tội lỗi đối với thế gian là việc nào? Mười loại nghiệp bất thiện. Việc này được gọi là tội lỗi đối với thế gian. Tội lỗi do sự quy định là việc nào? Việc nào ở thế gian là không đúng đắn, không hợp lẽ đối với hàng Sa-môn, nhưng không phải là tội lỗi đối với hàng tại gia, trong trường hợp ấy đức Thế Tôn quy định điều học cho các đệ tử, cho đến trọn đời không được vượt qua. Tâu đại vương, vật thực sái giờ không là tội lỗi đối với thế gian, điều ấy là tội lỗi ở Giáo Pháp của đấng Chiến Thắng. Việc làm tổn thương thảo mộc không là tội lỗi đối với thế gian, điều ấy là tội lỗi ở Giáo Pháp của đấng Chiến Thắng. Việc chơi giỡn ở trong nước không là tội lỗi đối với thế gian, điều ấy là tội lỗi ở Giáo Pháp của đấng Chiến Thắng. Tâu đại vương, các hình thức như thế và tương tự là các tội lỗi ở Giáo Pháp của đấng Chiến Thắng. Việc này được gọi là tội lỗi do sự quy định.

Loại ô nhiễm nào là tội lỗi đối với thế gian, bậc Lộ Tận không thể vi phạm việc ấy; còn loại ô nhiễm nào là tội lỗi do sự quy định, trong khi không biết, có thể vi phạm việc ấy. Tâu đại vương, đối với một vị A-la-hán thì không có trình độ để biết tất cả, bởi vì đối với vị ấy không có năng lực để biết tất cả.

<sup>1</sup> Các tội theo thứ tự là: *saṅghādisesa* 6, *saṅghādisesa* 5, *pācittiya* 37 (thọ thực lúc sái thời) và 85 (đi vào làng lúc sái thời), *pācittiya* 36, *pācittiya* 35 (ND).

Anaññātaṃ mahārāja arahato itthipurisānaṃ nāmampi gottampi, maggo 'pi tassa mahiyā anaññāto. Vimuttiṃ yeva mahārāja ekacco arahā jāneyya. Chaḷabhiñño arahā sakavisayaṃ jāneyya. Sabbaññū mahārāja tathāgato 'va sabbam jānāti "ti.

“Sādhu bhante nāgasena! Evametaṃ tathā sampañchāmī "ti.

**Arahato satisammosapañho tatiyo.**

\*\*\*\*\*

Tâu đại vương, đối với vị A-la-hán tên họ của những người nữ người nam là không được biết; đối với vị ấy đường xá ở trái đất là không được biết. Tâu đại vương, một vị A-la-hán có thể chỉ biết về sự giải thoát. Vị A-la-hán có sáu Thắng Trí có thể biết về lãnh vực của mình. Tâu đại vương, chỉ có đức Như Lai, đấng Toàn Tri, là biết tất cả.”

“Thưa ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.”

**Câu hỏi về sự thất niệm của vị A-la-hán là thứ ba.**

\*\*\*\*\*